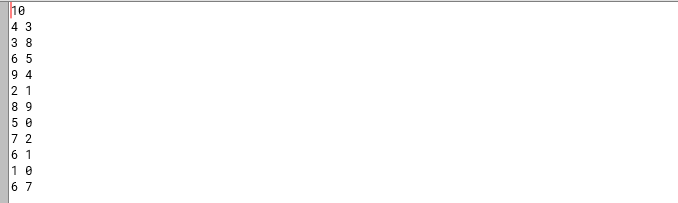
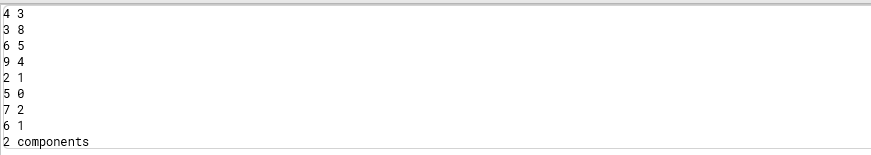
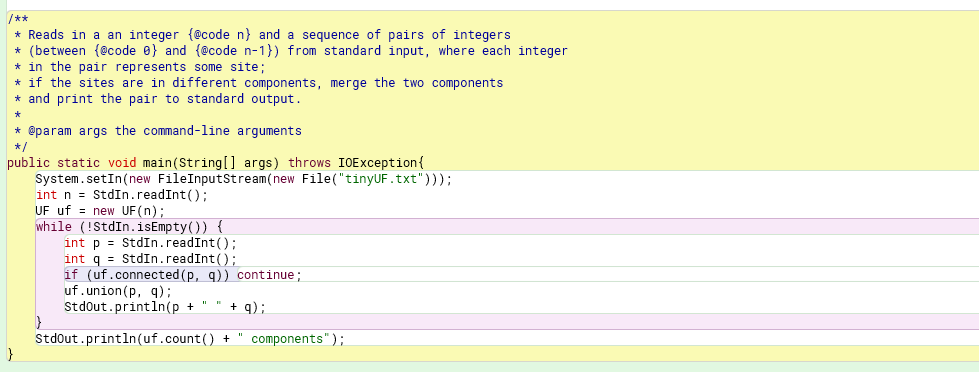
**Báo cáo bài tập thực hành**

1.MT\_BS

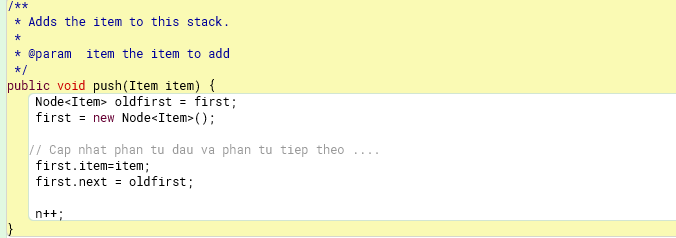
2.UF(khôi phục)

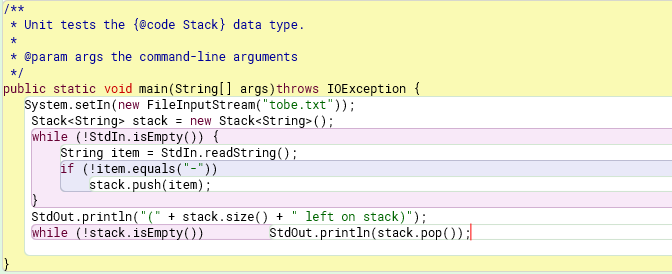


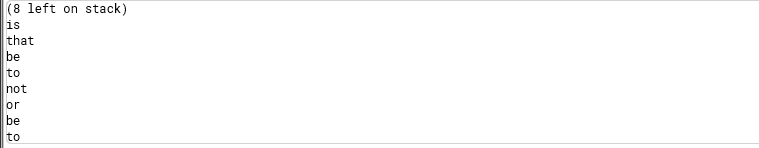




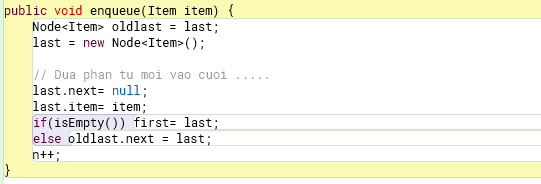
3.Stack

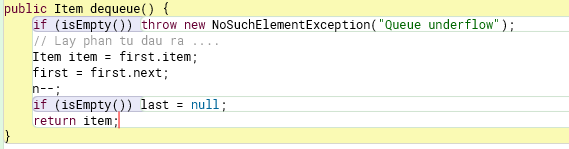


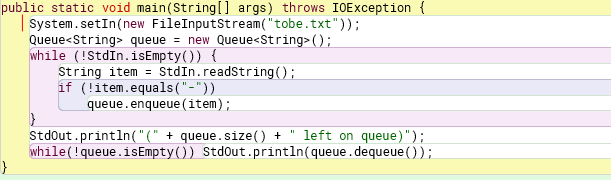




4.Queue

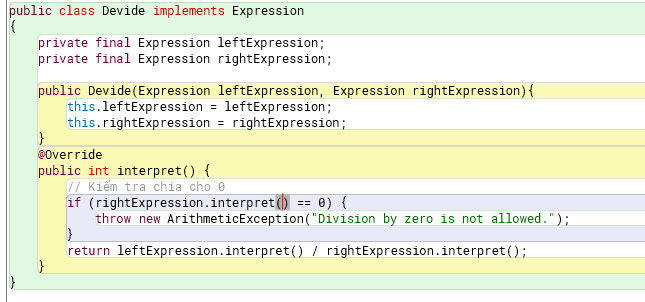




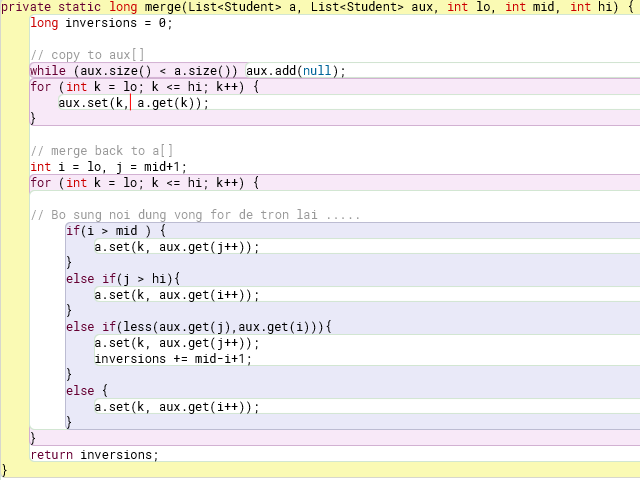


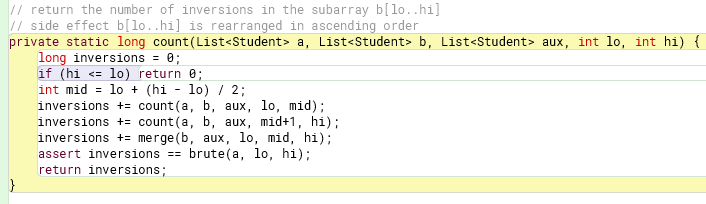


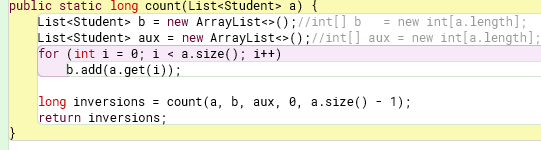
5.Division

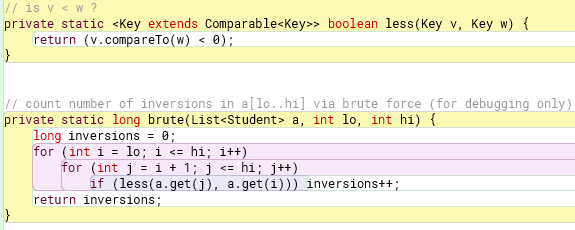


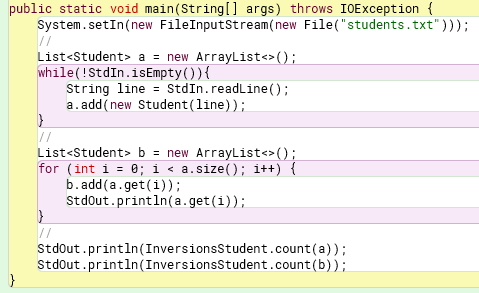
6.Inversion: String( Tạo)

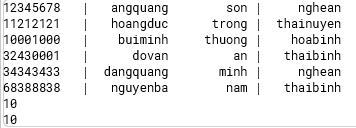




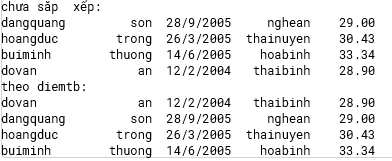


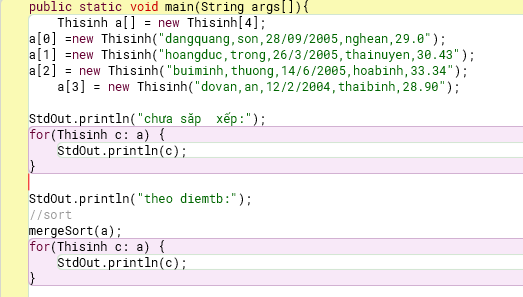




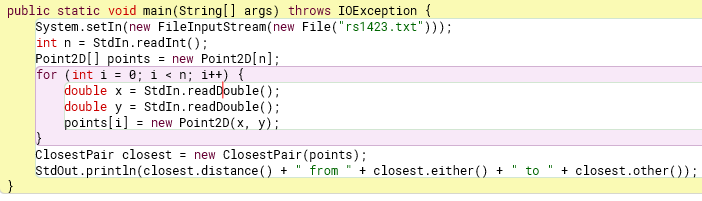


7.Merge



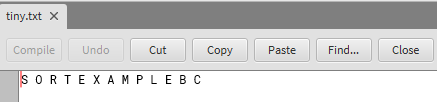


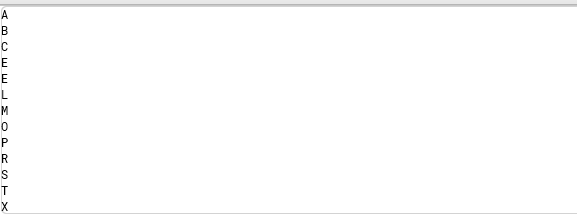
8.Closet pair( Khôi phục )

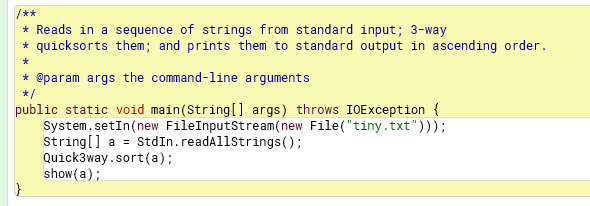




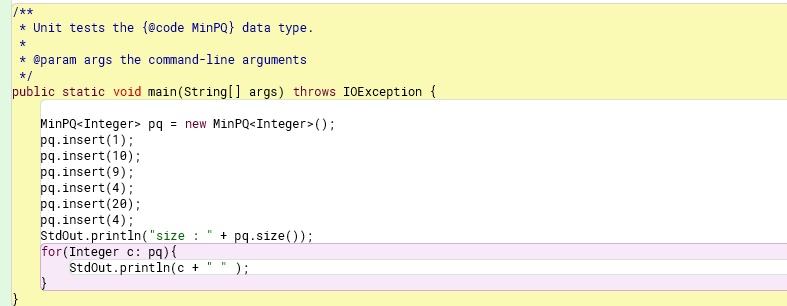
9.Quick 3 way





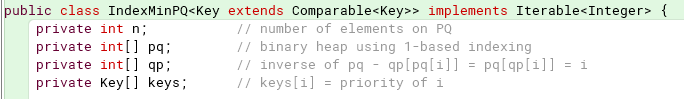


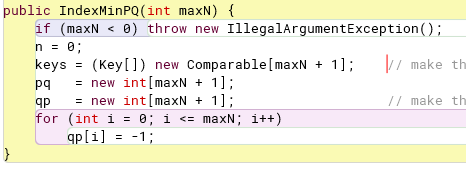
10.MinPQ(tạo)





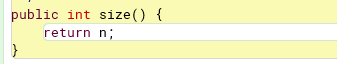
11.Index MinPQ( tạo)

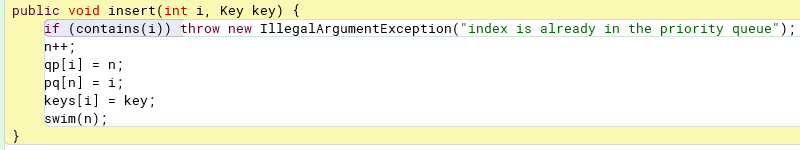


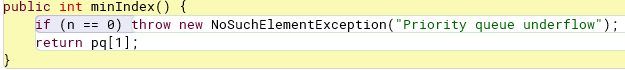


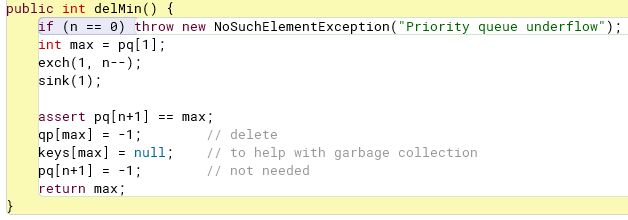


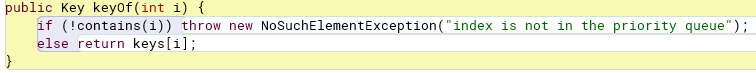


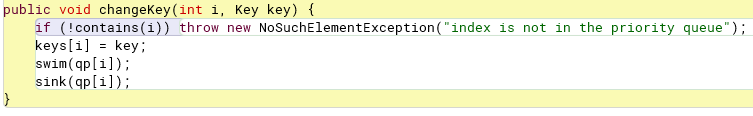


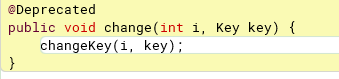


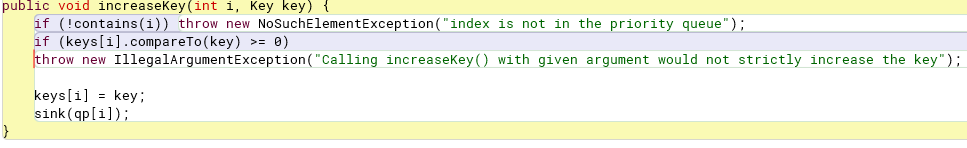


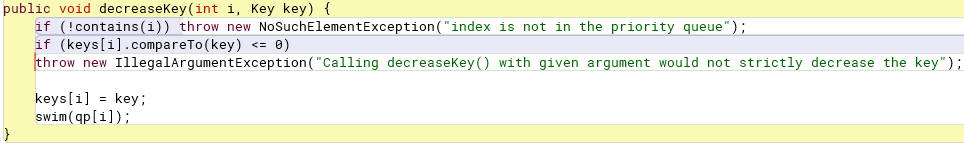


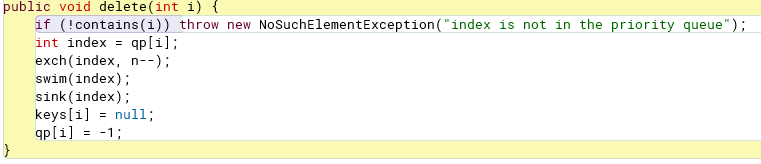


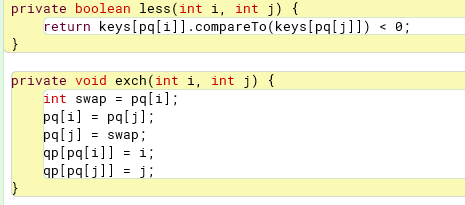


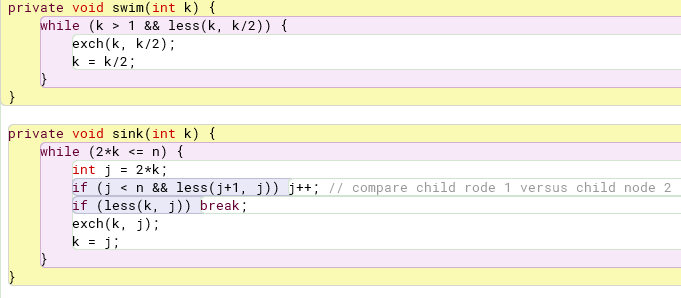


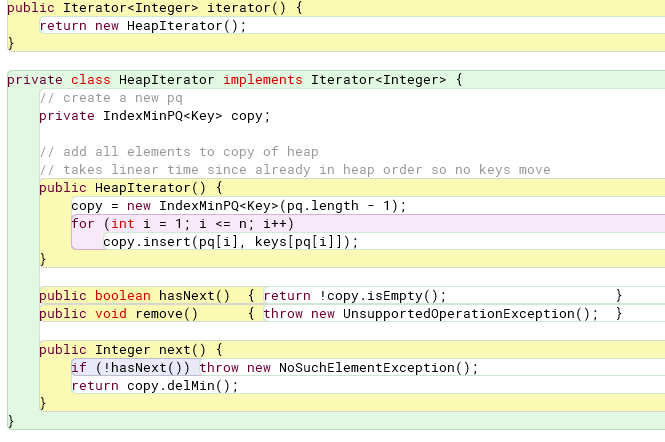


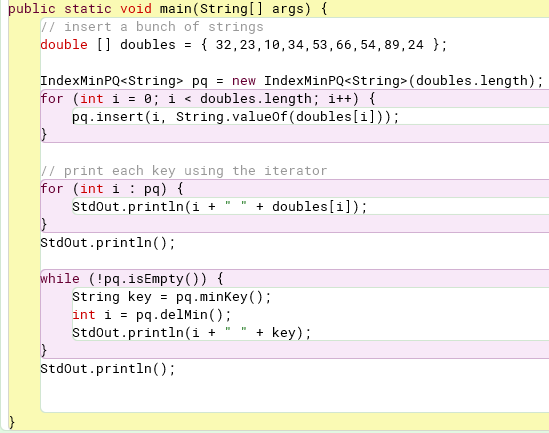


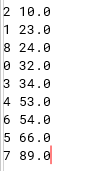
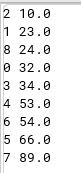




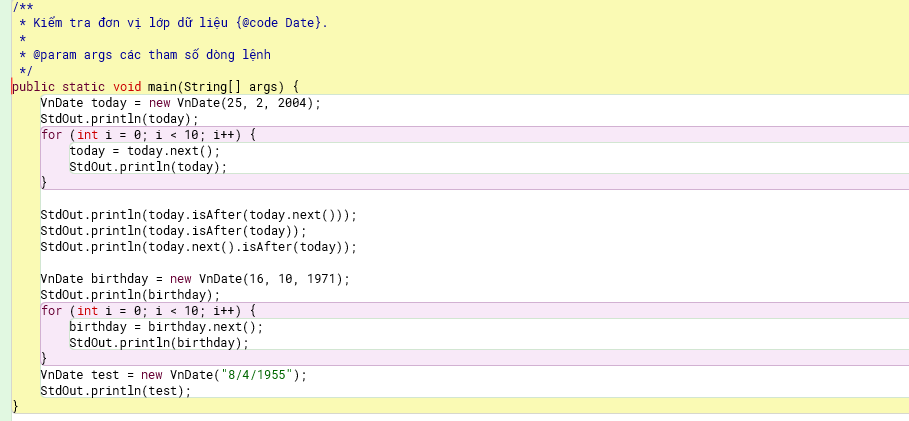


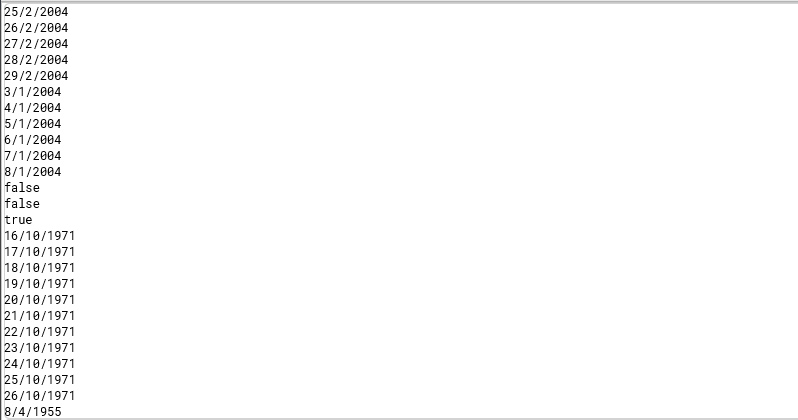




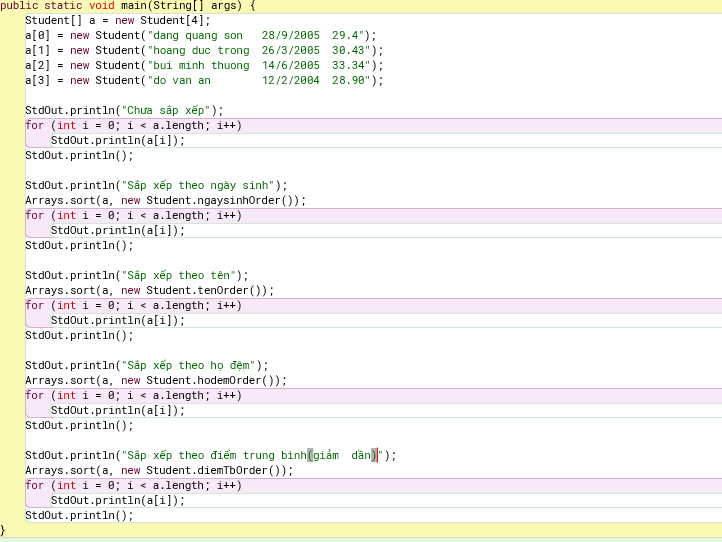


12.VNDate(tạo)



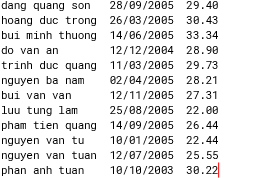


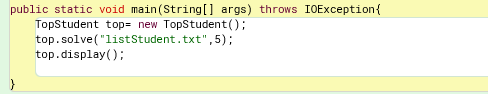
13.Student ( tạo)

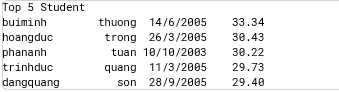




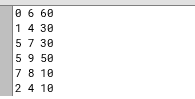
14.TopMSV( tạo)

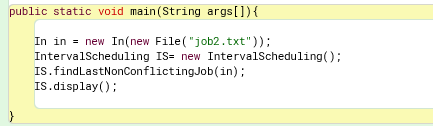






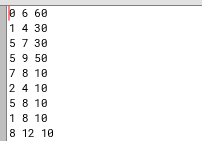
15.Interval Scheduling( tạo)

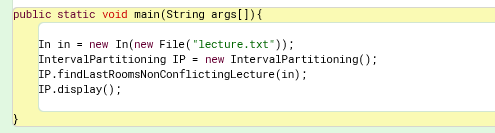


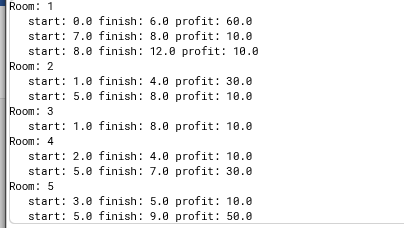




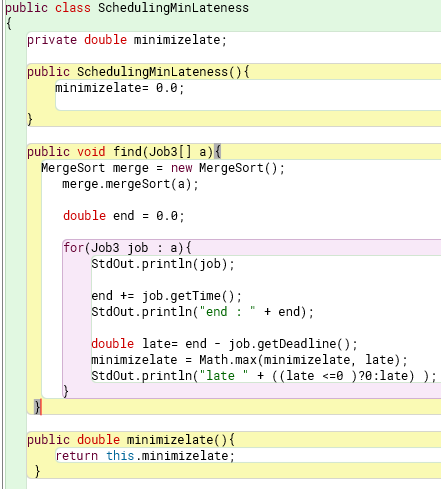
16.Interval Partitioning( tạo )

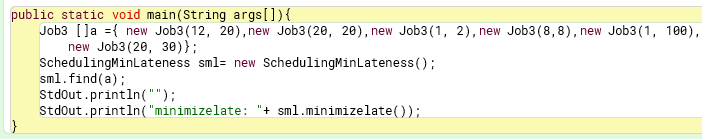


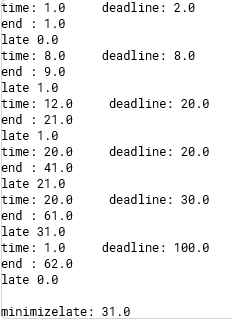




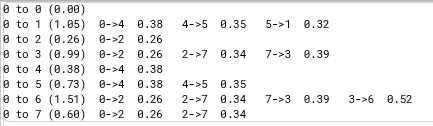
17.Min Lateness(tạo )



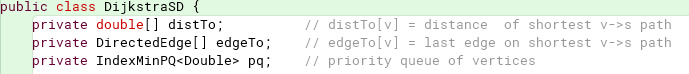


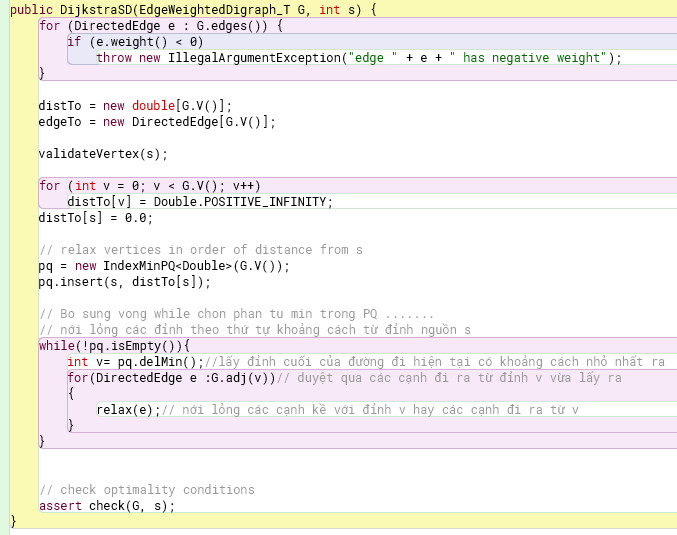


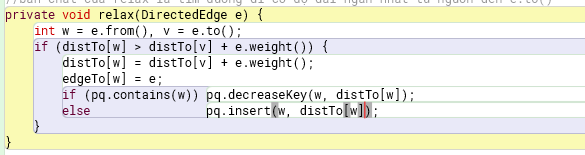
18.Dijktra SP( khôi phục)

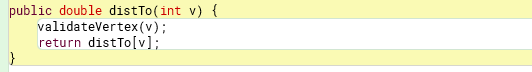


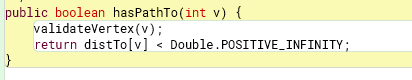
19.Dijktra SD( tạo)

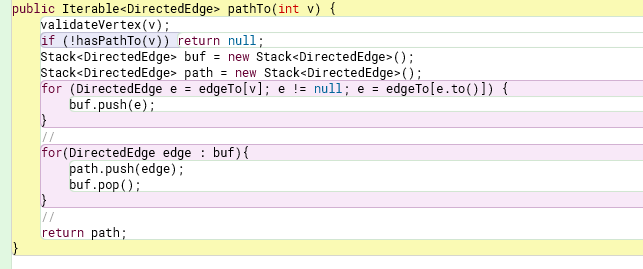




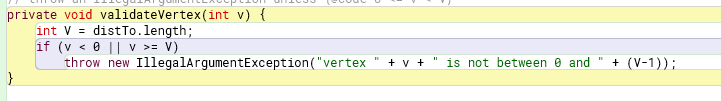


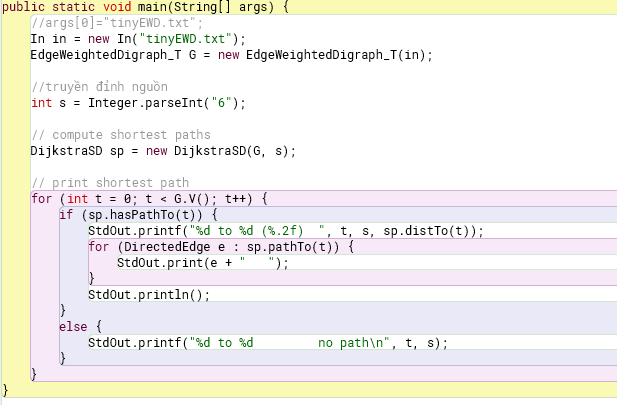


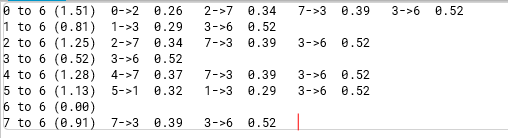




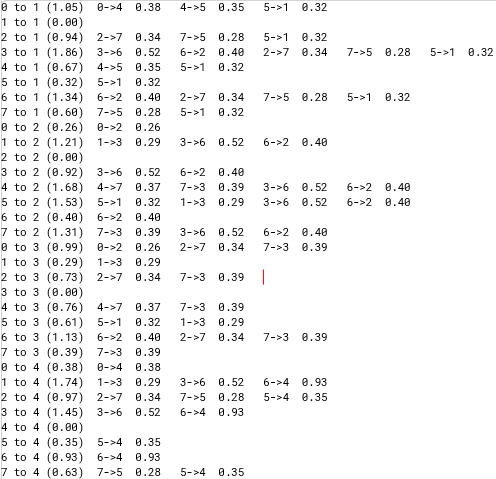


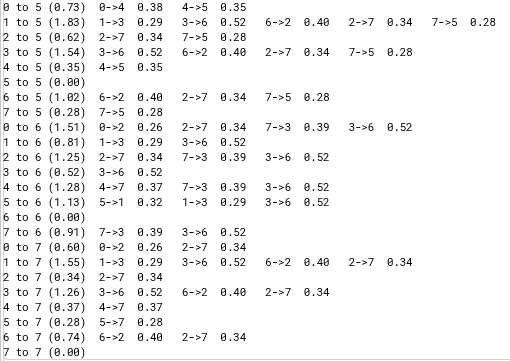


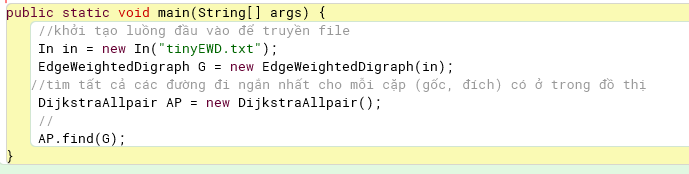




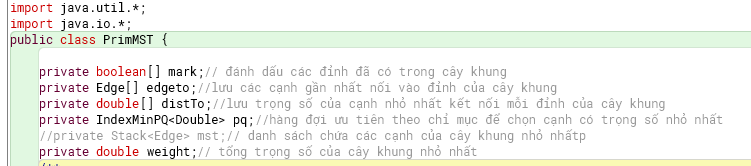
20.Dijktra All pair( tạo)

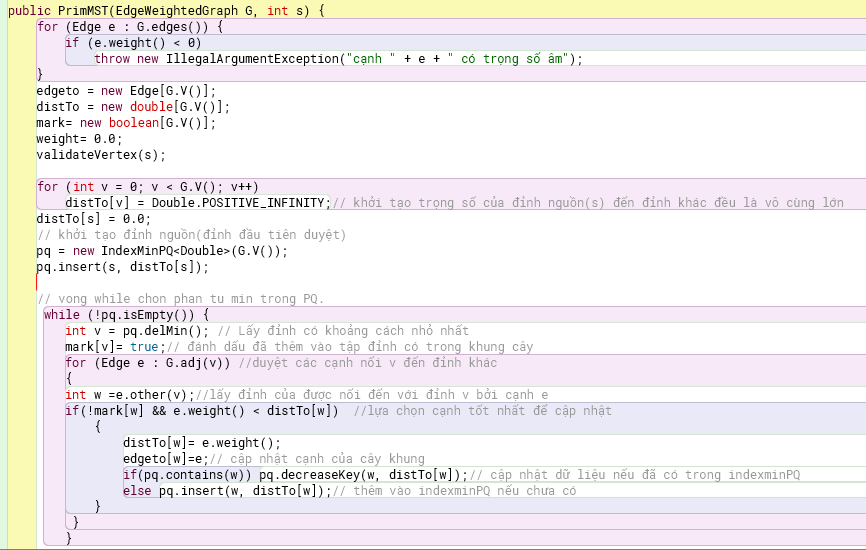


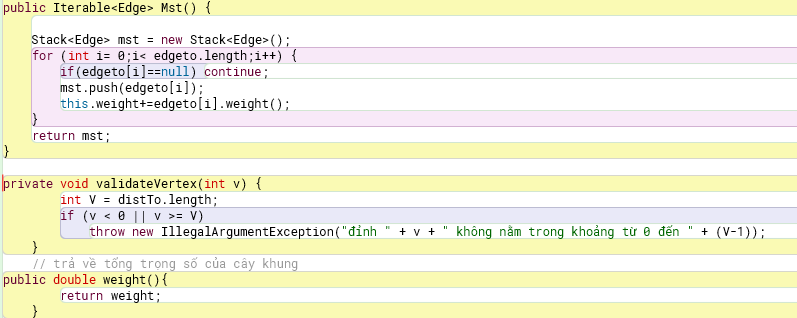


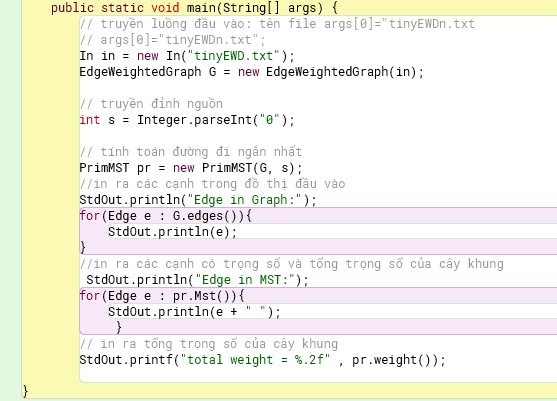


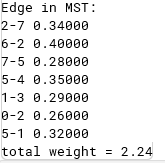
21.Prim( tạo )



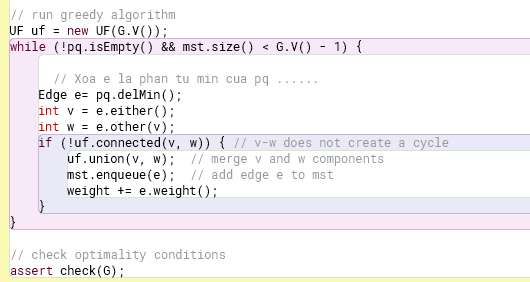


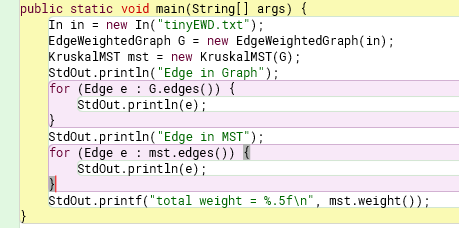


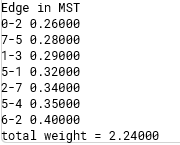




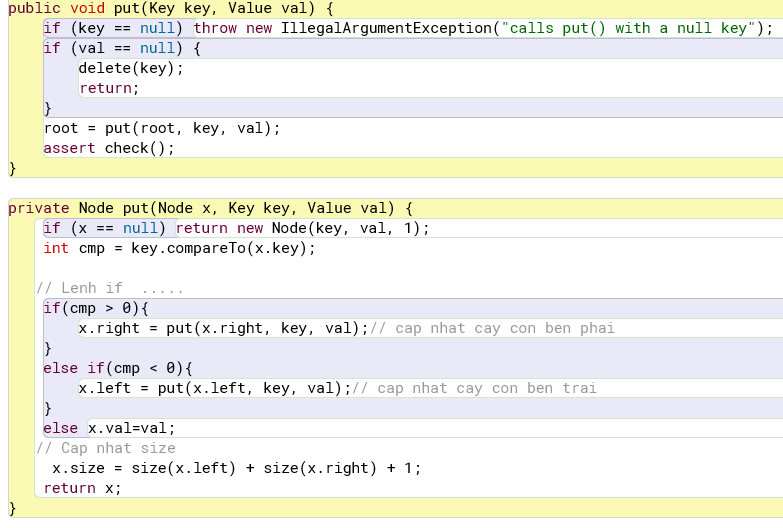
22.Kruskal( khôi phục)



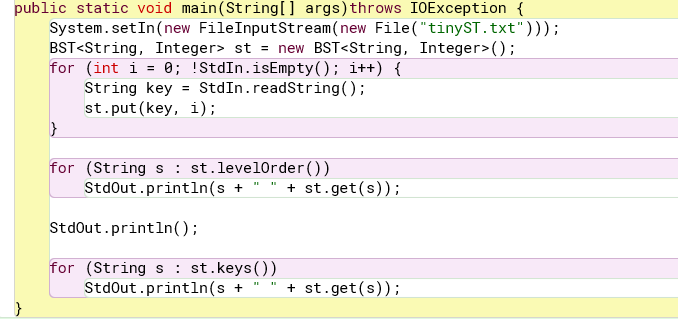


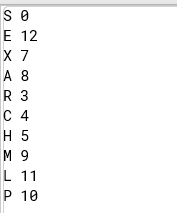


23.Khôi phục BST( get , put) 

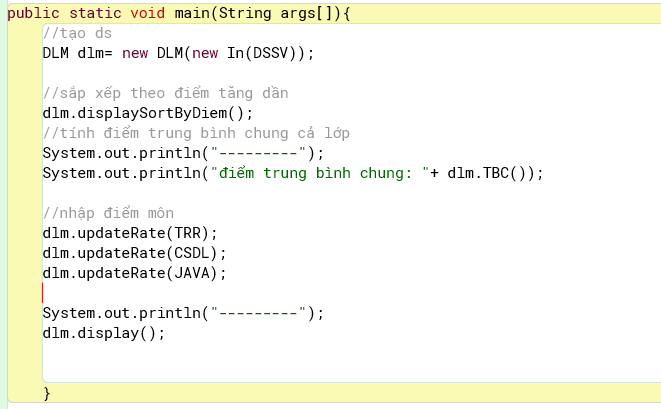




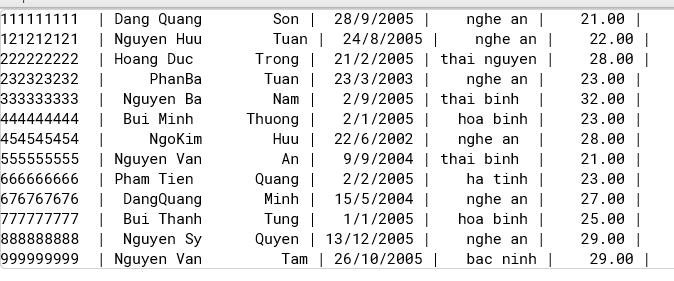


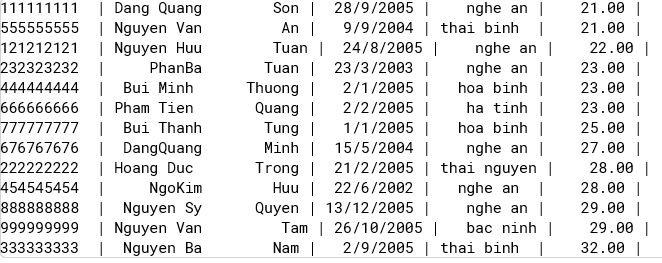


24.DSSV(tạo - Đọc file dssv)

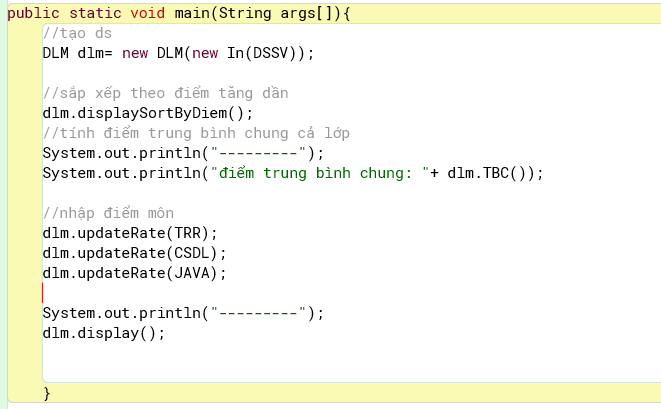


25.In DSSV ra theo Mã SV, dtb



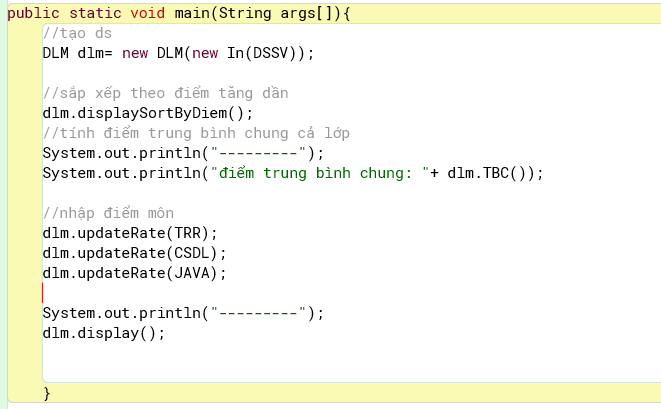


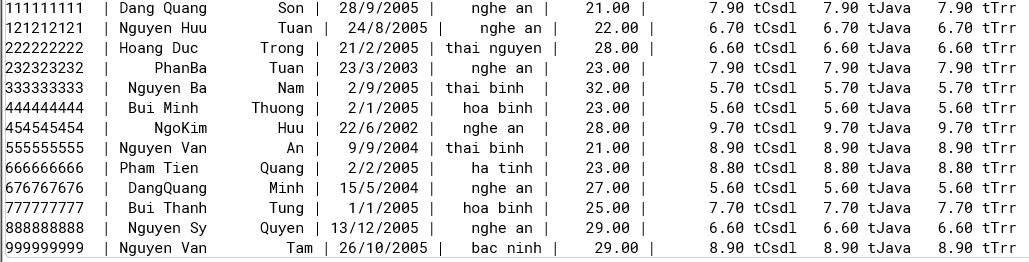
26.Tính TBC( tính trung bình chung)



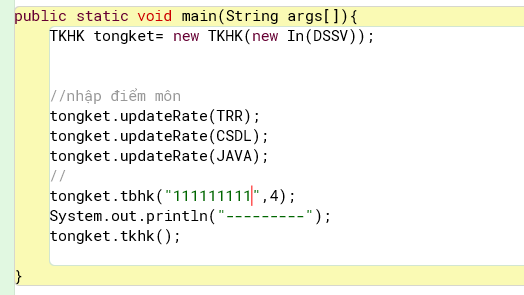


27.Nhập điểm môn



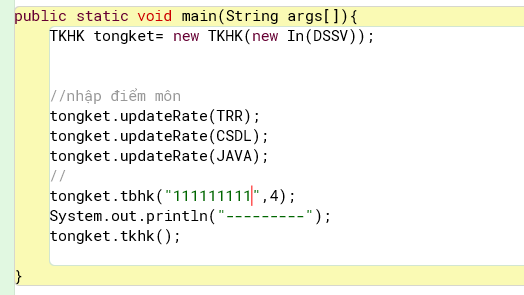


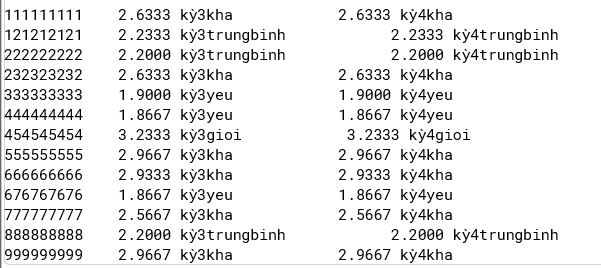
28.Tính trung bình điểm học kỳ Sinh Viên



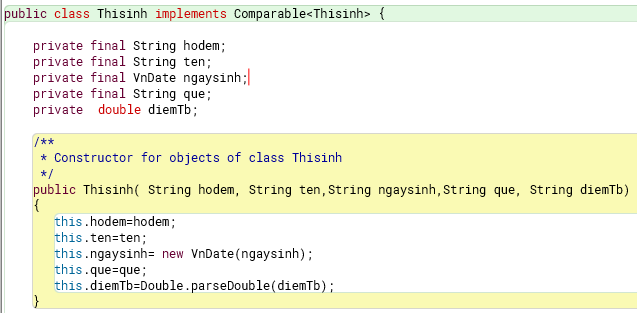


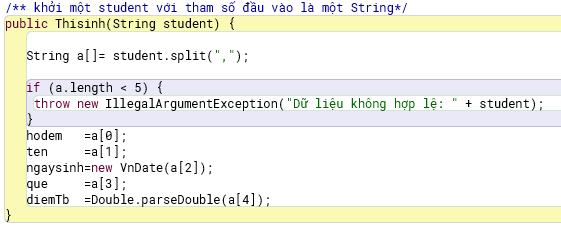
29.Tổng kết học kỳ lớp

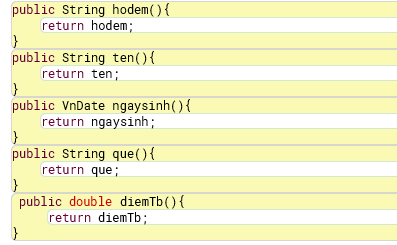




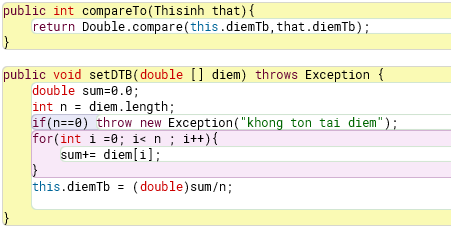
30.Thí sinh, DS thí sinh , bảng băm

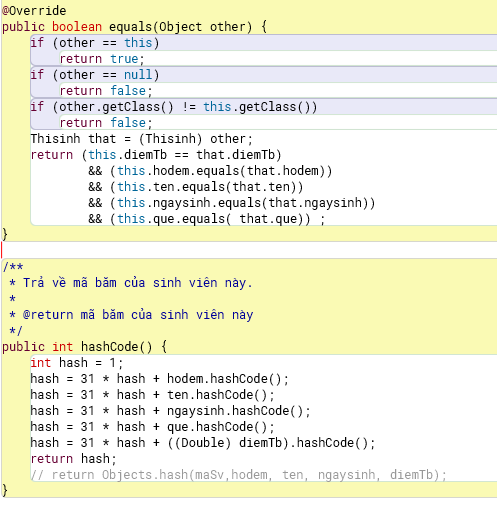


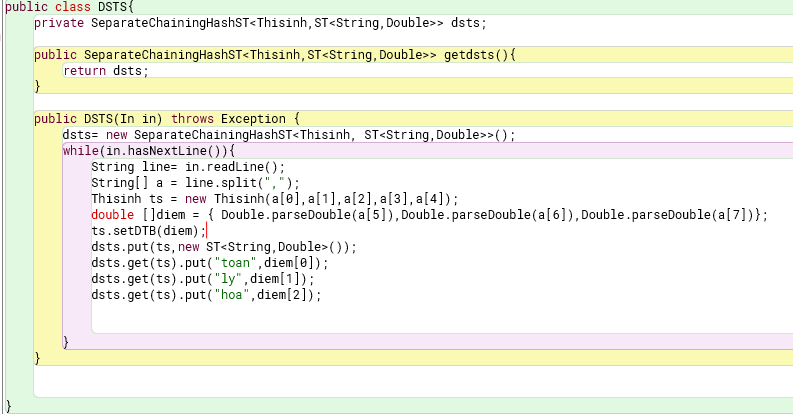




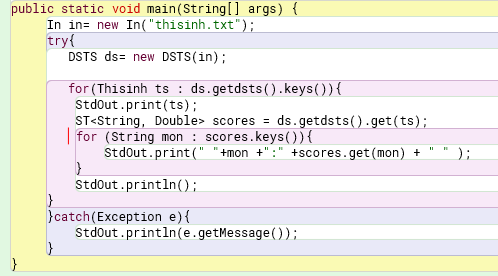


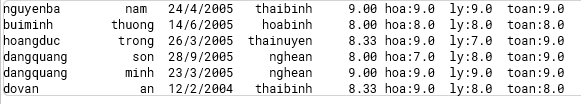




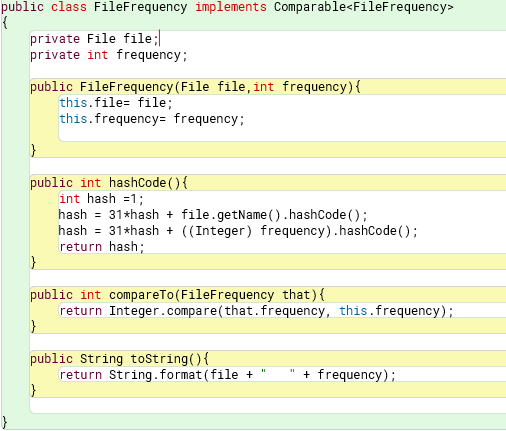


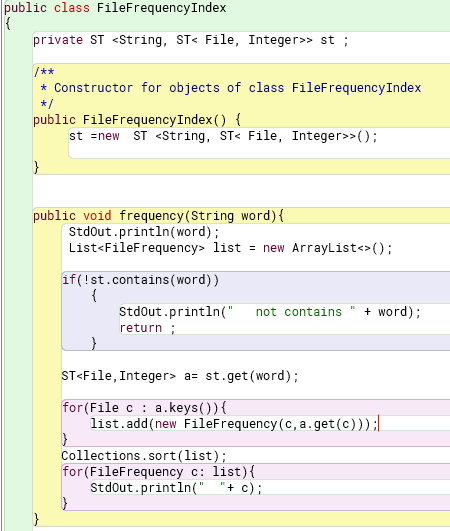
31.Nhập điểm thi đại học của thí sinh

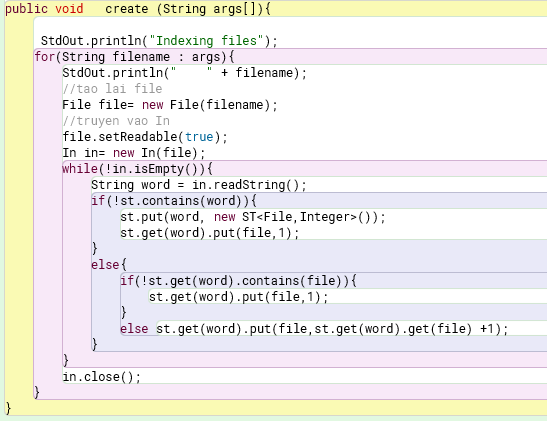


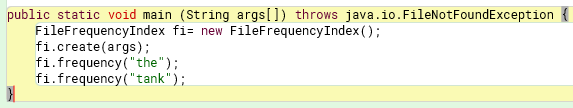


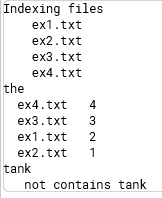
32.File Frequence Index( tạo )



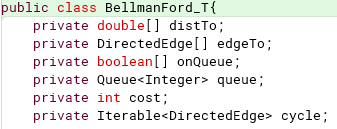


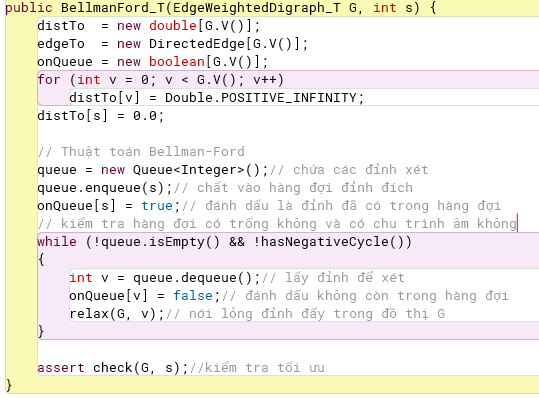


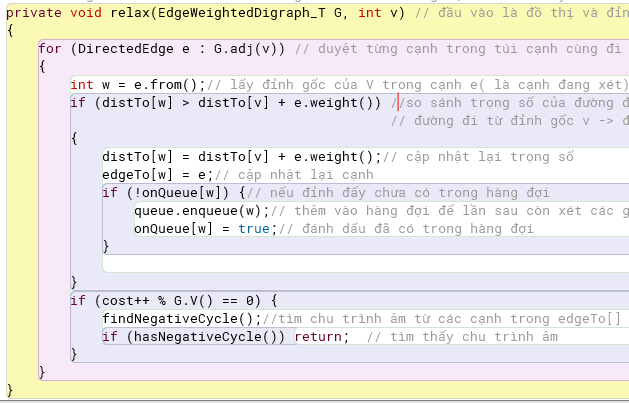




33.Bellmanford\_T

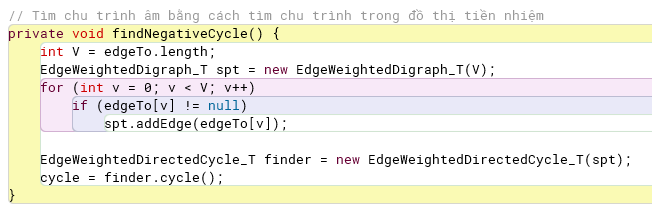


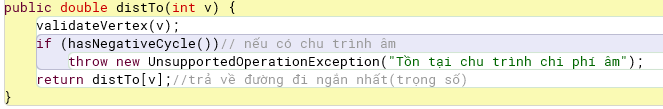


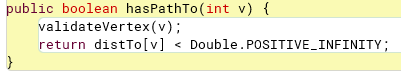


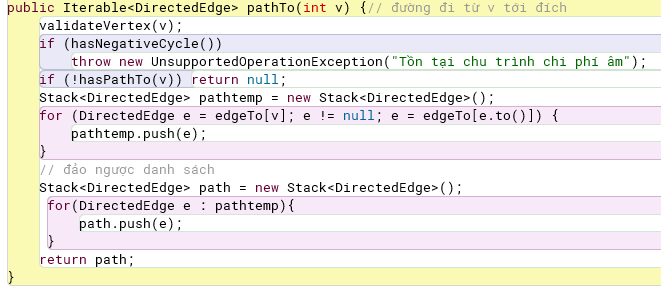


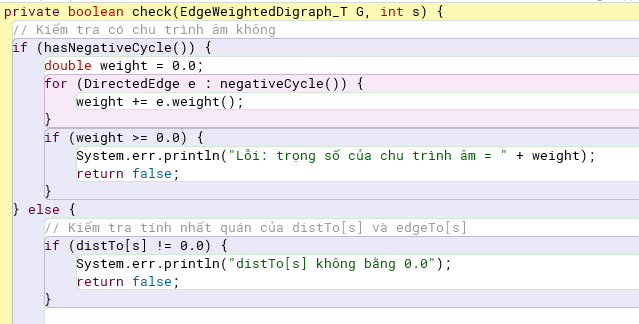


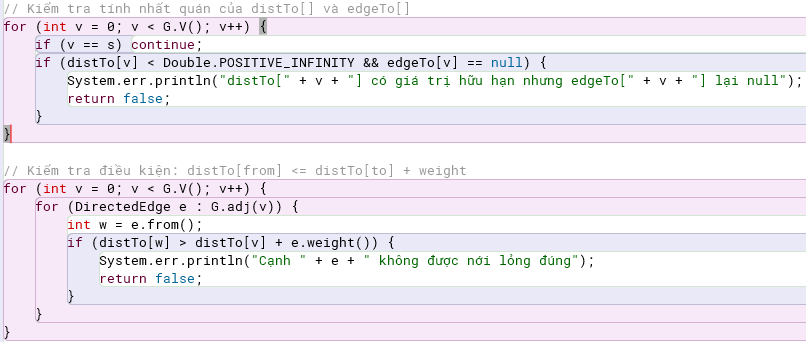


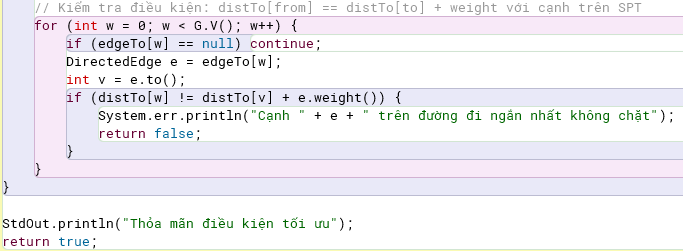


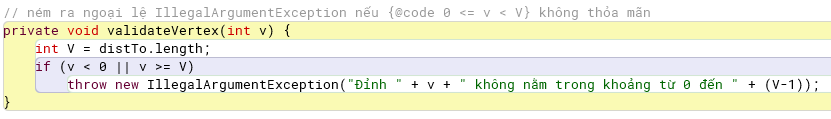


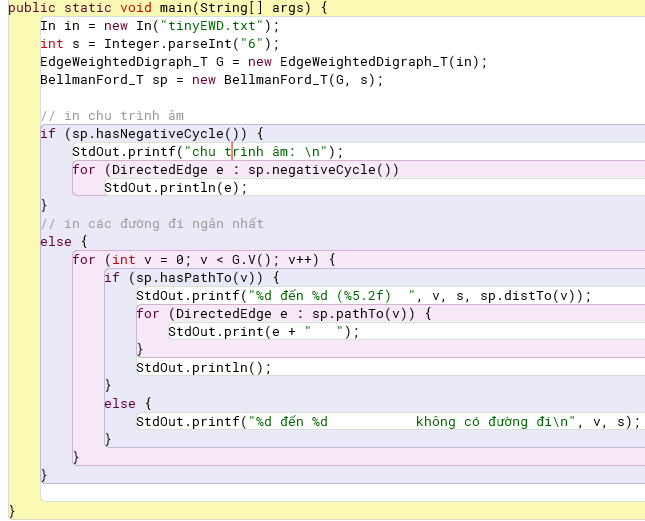


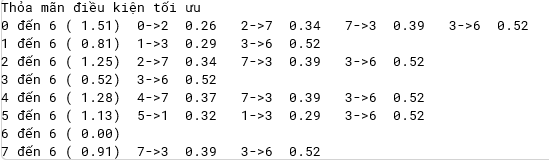




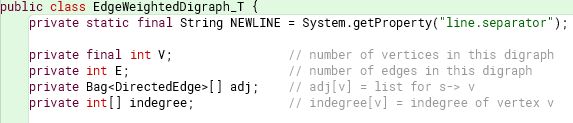


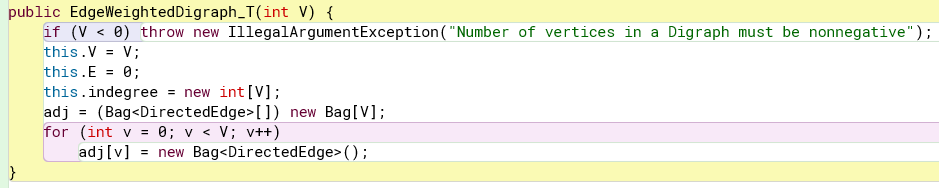


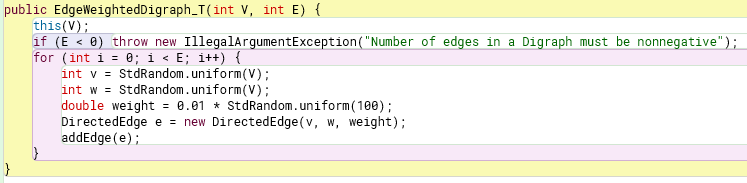


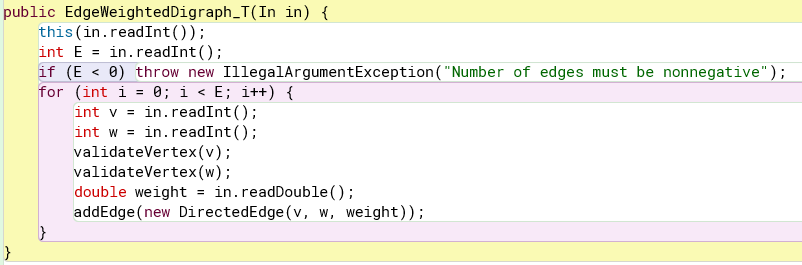


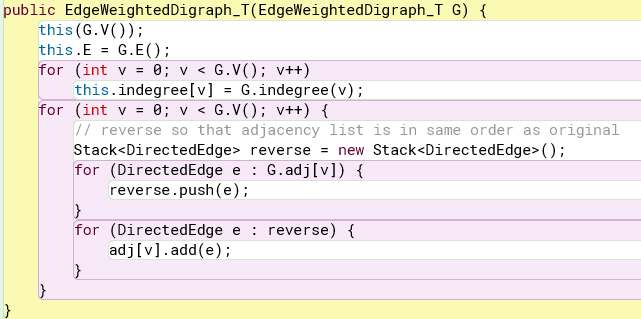
34.EdgeweightDigraph\_T

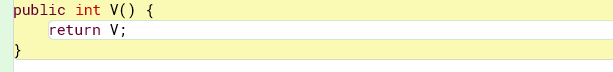




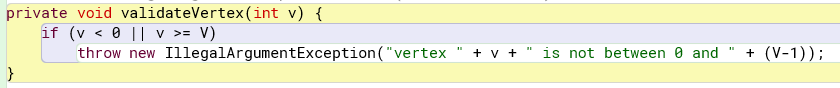


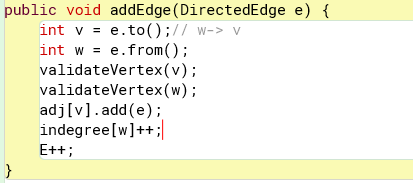


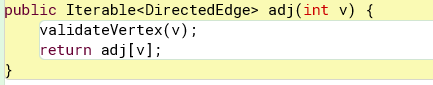


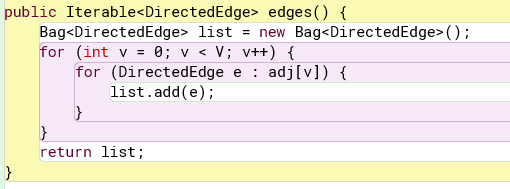


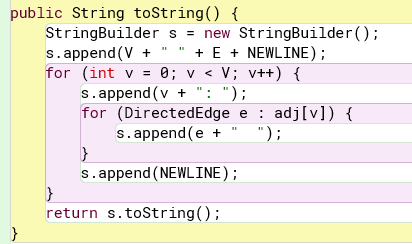


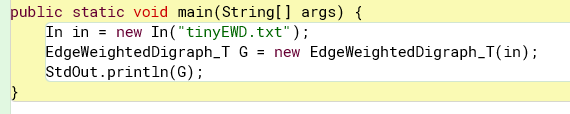


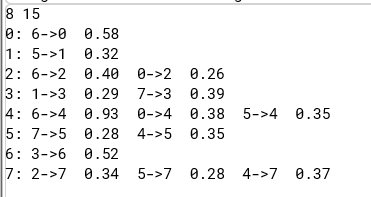




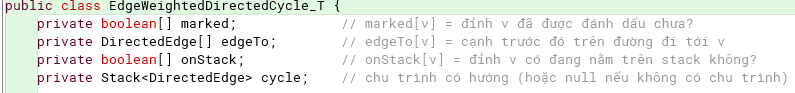


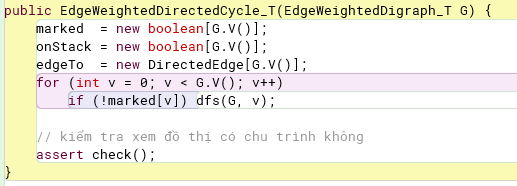


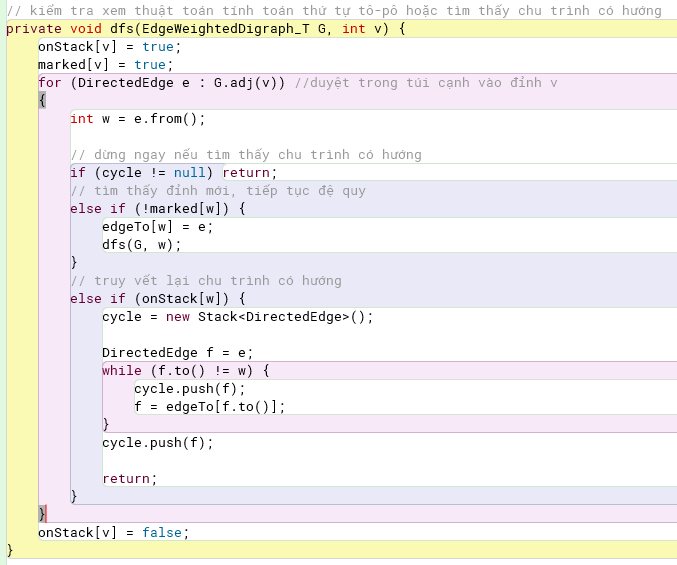




35. EdgeweightDigraphCyrcle\_T

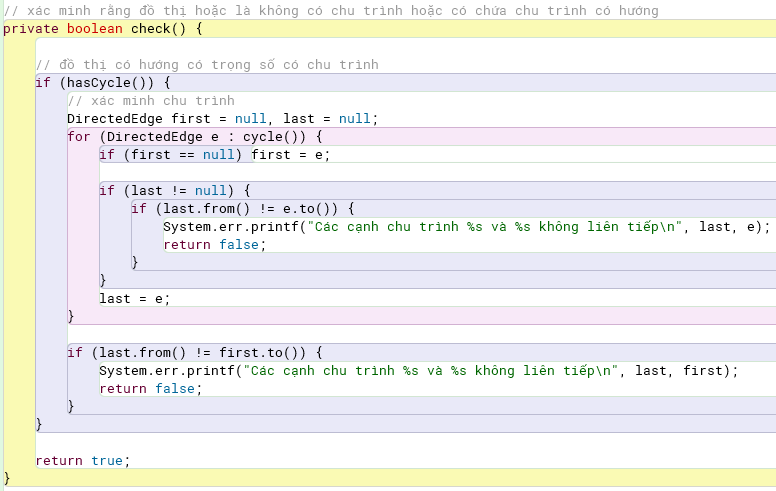


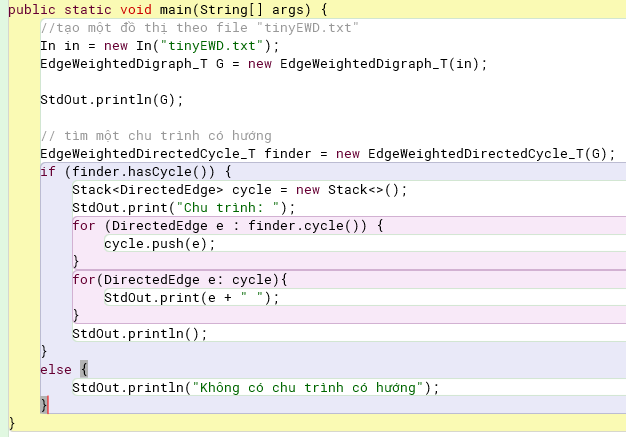


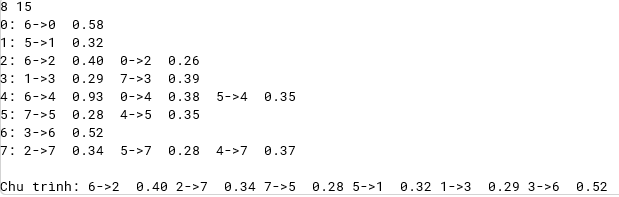




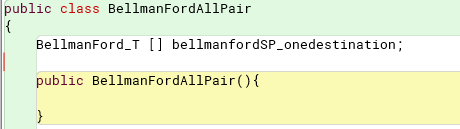


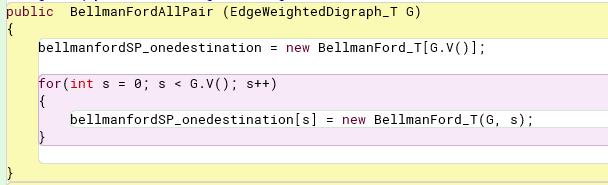


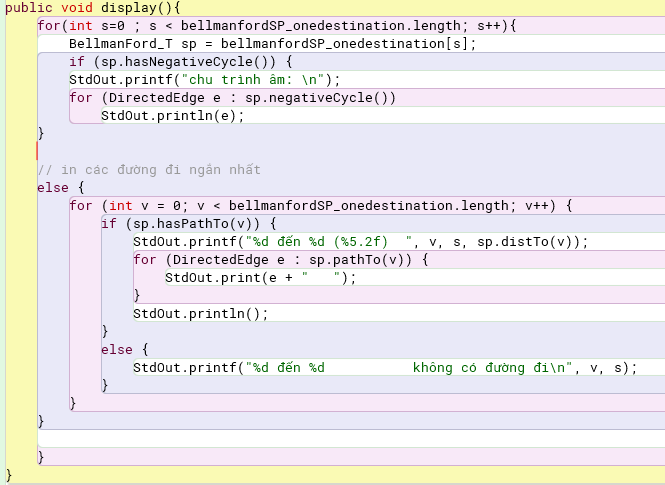


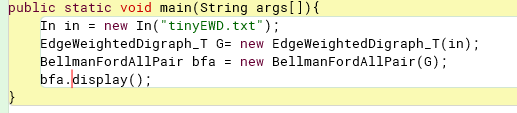


36.BellmanFord all pair









37.FordFullkerson with cut